

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2018/HNGĐ-ST**
Ngày *23 tháng 7 năm 2018*
V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Phan Thị Hà**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Bà **Trần Thị Thanh Huyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2018/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2018/QĐST-HPT ngày 08 tháng 6 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc K, sinh năm 1990, Đăng ký hộ khẩu: Tập thể công trường lắp máy L, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Ngõ 1137 Đê La Thành, phường N, quận B, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thu P, sinh năm 1991, Đăng ký hộ khẩu: số 55 phố B, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Ngõ 1137 Đê La Thành, phường N, quận B, thành phố Hà Nội (Chị P vắng mặt lần thứ ba liên tiếp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Thu P đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 01 năm 2011 tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị P thường xuyên bỏ nhà ra ngoài, không có trách nhiệm và quan tâm đến chồng và các con. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình nội ngoại đã biết mâu thuẫn của vợ chồng và đã giảng hòa nhưng không có kết quả. Khi mâu

thuần căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nay Anh K không còn tình cảm với Chị P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu **Trần Khánh L**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011 và cháu **Trần Khánh N**, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015. Khi ly hôn Anh K có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu Chị P thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nhà ở: Anh K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn Anh K tự lo về chỗ ở.

Về khoản nợ: Anh K xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên tòa cho bị đơn tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ ba liên tiếp không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: *“a) Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân... có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình...”*.

Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết vụ án là đúng qui định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chuyển thông báo thụ lý, các quyết định và hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định;

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án;

Thẩm phán đã tiến hành việc giải quyết vụ án theo đúng trình tự tố tụng về thu thập chứng cứ tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Thẩm phán đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng Anh K, Chị P tại nơi cư trú theo đúng qui định pháp luật;

Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật;

Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đã được tổng đạt hợp lệ đến đương sự. Việc bị đơn không nhận các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã tiến hành niêm yết theo đúng quy định tại 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử chuyển cho Viện kiểm sát chậm 02 ngày vi phạm khoản 2 điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Anh K và Chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, không cải thiện được tình cảm vợ chồng, mất lòng tin yêu đối với nhau, hiện anh chị đã ly thân.

Căn cứ vào các lời khai và chứng cứ đã thu thập được nhận thấy tình trạng vợ chồng của Chị P, Anh K đã trầm trọng, không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, không còn tin yêu nhau nữa, hiện anh chị đã ly thân, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh K đối với Chị P là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 8/8/2011 và Trần Khánh N, sinh ngày 19/7/2015. Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị cho Anh K trực tiếp nuôi cả hai con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị P cho đến khi Anh K có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự, đề nghị sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt lần thứ ba liên tiếp không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho anh chị, vì vậy Tòa án áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa Anh K và Chị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 01 năm 2011 tại UBND

phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị P thường xuyên bỏ nhà ra ngoài, không có trách nhiệm và quan tâm đến chồng, con. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình nội ngoại đã biết mâu thuẫn của vợ chồng và đã giảng hòa nhưng không có kết quả. Khi mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nay Anh K không còn tình cảm với Chị P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

[3] Tòa án cũng tiến hành ghi ý kiến đại diện gia đình nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim Thúy – mẹ đẻ của Anh K: Cháu Trần Quốc K và cháu Nguyễn Thu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 01 năm 2011 tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Trong quá trình hai cháu chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cháu Phương thường xuyên bỏ nhà ra đi, không chăm lo chồng, các con. Gia đình hai bên cũng hết mực khuyên răn, cho cháu Phương nhiều cơ hội nhưng cháu không nghĩ đến gia đình mà thường xuyên giao du với những thành phần xấu, giang hồ. Cháu Phương còn thường xuyên nhắn tin, dùng những từ ngữ khó nghe cho con trai tôi và bố mẹ hai bên (Chúng tôi vẫn còn lưu giữ tin nhắn). Cháu còn nghe lời bạn xấu về nhà bán xe máy, điện thoại của bố mẹ hai bên để lấy tiền ăn chơi. Cháu Phương vẫn sống ở nhà chúng tôi tại tổ 11 ngõ 1137 Đê La Thành, phường N, quận B, Hà Nội nhưng thường sáng đi tối về, cán bộ Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản cháu Phương biết nhưng không ký nhận. Mâu thuẫn đến đỉnh điểm khi đầu năm 2018, con trai tôi phát hiện cháu Phương ngoại tình và hai cháu đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay cháu Khánh xin ly hôn với cháu Phương, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu Khánh được ly hôn với cháu Phương. Về con chung: Cháu Khánh và cháu Phương có hai con chung là cháu **Trần Khánh L**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011 và cháu **Trần Khánh N**, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015. Từ trước đến nay, việc nuôi nấng dạy dỗ chăm sóc Khánh Nam và Khánh Linh đều do cháu Khánh trực tiếp nuôi dưỡng và gia đình hai bên cũng hỗ trợ, cháu Phương không có trách nhiệm nào. Khi ly hôn cháu Khánh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cháu Phương thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung tôi nghĩ việc giao các con chung cho cháu Khánh là có đủ điều kiện về vật chất, tinh thần. Gia đình chúng tôi sẽ tạo điều kiện về vật chất, tinh thần để cháu Khánh có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện nay ba bố con vẫn ở nhà của tôi tại tổ 11 ngõ 1137 Đê La Thành, phường N, quận B, thành phố Hà Nội, tôi cam đoan sẽ để cho ba bố con ở đây. Về tài sản chung và nhà ở: Hai cháu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôi không có ý kiến gì. Sau khi ly hôn, cháu Phương phải tự lo chỗ ở mới cho mình. Về khoản nợ: Hai cháu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ Khánh, Phương và hai cháu cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

[4] Tòa án cũng tiến hành ghi ý kiến đại diện tổ dân phố nơi Chị P và Anh K sinh sống: Cháu Trần Quốc K và cháu Nguyễn Thu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 01 năm 2011 tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, hai cháu về sống tại tổ 11 ngõ 1137 Đê La Thành, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Trong quá trình hai cháu chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cháu Phương thường xuyên bỏ nhà ra đi, không chăm lo chồng con, con cái. Gia đình hai bên và tổ dân phố cũng hết mực khuyên răn nhưng không có kết quả. Nay cháu Khánh xin ly hôn với cháu Phương, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu Khánh được ly hôn với cháu Phương. Về con chung: Cháu Khánh và cháu Phương có hai con chung là cháu **Trần Khánh L**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011 và cháu **Trần Khánh N**, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015. Từ trước đến nay, việc nuôi nấng dạy dỗ chăm sóc Khánh Nam và Khánh Linh đều do cháu Khánh trực tiếp nuôi dưỡng và gia đình hai bên cũng hỗ trợ, cháu Phương không có trách nhiệm nào. Về tài sản chung và nhà ở cùng các khoản vay nợ: Tổ dân phố không nắm rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P và Anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng Chị P đều vắng mặt không lý do, Chị P không đến phiên tòa và không nhận các quyết định của Tòa án thể hiện chị từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử cho Anh K được ly hôn Chị P là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu **Trần Khánh L**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011 và cháu **Trần Khánh N**, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015. Khi ly hôn Anh K có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu Chị P thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án Chị P không đến Tòa án làm việc, tuy nhiên Chị P có đơn đề nghị ngày 23/7/2018 với nội dung “*Giờ vì điều kiện chưa nuôi được con, tôi để cho chồng tôi là Trần Quốc K nuôi hai con*”. Xét thấy Anh K và Chị P đều có nguyện vọng để Anh K trực tiếp nuôi cả hai con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nhà ở: Anh K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn Anh K tự lo về chỗ ở.

Về khoản nợ: Anh K xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;
Anh K, Chị P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; các Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Anh Trần Quốc K;

Anh Trần Quốc K được ly hôn với chị Nguyễn Thu P.

2. Về con chung: Giao cháu **Trần Khánh L**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011 và cháu **Trần Khánh N**, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015 cho Anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị P cho đến khi Anh K có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Chị P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở: Anh K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn Anh K tự lo về chỗ ở.

Về khoản nợ: Anh K xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Quốc K phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số **8237** ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, Anh Trần Quốc K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thu P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi chị Nguyễn Thu P cư trú.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi Cục THA dân sự quận B;
- UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long